TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết Nga
2. Bà Nguyễn Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Thế Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ không tham gia phiên tòa .

Ngày 13 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn S**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khóm H, Thị trấn Long H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khóm H, Thị trấn Long H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2025 và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Trần Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị L do mai mối nên đã quen biết và tiến đến hôn nhân và có tổ chức đám cưới vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu sống hạnh phúc, anh S và chị L sống chung bên nhà của L được 02 năm và sau đó ra riêng xây nhà ở chung với nhau. Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không tìm được tiếng nói chung trong mối quan hệ vợ chồng. Hiện nay, hai vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn lại được mối quan hệ vợ chồng được nữa, nên anh Trần Văn S yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1990 và Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1995. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên anh S không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: anh Trần Văn S không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L thừa nhận trình bày của anh S là đúng, hai bên do mai mối nên quen biết nên đã tiến đến hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Về mâu thuẫn chị L thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện nay, hai vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị Trần Thị L đồng ý ly hôn với anh Trần Văn S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1990 và Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1995. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị L không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Anh Trần Văn S yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị L, chị L đăng ký hộ khẩu tại Khóm H, Thị trấn Long H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên đây là quan hệ hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1989 anh S và chị L tiến đến hôn nhân do mai mối, cả hai có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 cho đến nay, anh S và chị L không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm

quyền, có xác nhận của Công an thị trấn Long Hồ xác nhân không tìm thấy thông tin kết hôn của ông Trần Văn S và bà Trần Thị L. Vì vậy xác định anh S và chị L chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là đúng. Việc anh S, chị L không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, về việc nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Về mâu thuẫn anh S cho rằng trong thời gian sống chung, thường bất đồng ý kiến, cải vả nhau nên cả hai không còn sống chung. Xét mâu thuẫn giữa anh S và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, nhưng cả hai không đăng ký kết hôn, nên không có giá trị pháp lý cho ly hôn. Căn cứ khoản 1, Điều 14 Luật hôn và gia đình năm 2014 quy định "*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định của pháp luật*". Vì vậy Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Trần Văn S và chị Trần Thị L là vợ chồng .

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1990 và Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1995. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên anh S, chị L không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh S chị L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh S chị L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 14, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Văn S và chị Trần Thị L là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1990 và Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1995. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên anh S, chị L không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: anh S chị L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001880 ngày 10/02/2025 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, anh S đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án../.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Điệp